TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/ HNGĐST
Ngày: 24/5/2018

V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BÌNH PHƯỚC.
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chức
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đình Bắc và ông Đoàn Mạnh Quang
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My– thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Đỗ Lâm Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Thanh V– sinh năm: 1964 – có mặt;
2. *Bị đơn*: Trần Văn L– sinh năm: 1963 – có mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Th H, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 26/3/2018, tại biên bản tự viết lời khai ngày 04/4/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh V trình bày: Bà V và ông Trần Văn L tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1984 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/9/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, sống không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân 04 năm.

Về con chung: Bà V trình bày vợ chồng có 03 con chung tên:

1. Trần Long Vương –sinh ngày: 01/12/1984;
2. Trần Thị Thanh Th – sinh ngày: 15/6/1990;
3. Trần Thị Thanh H – sinh ngày: 15/10/1993;

Các con đều đã trưởng thành

Tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh V cương quyết yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước giải quyết cho ông được ly hôn ông Trần Văn L.

Bị đơn ông Trần Văn L thừa nhận toàn bộ lời khai của bà V là hoàn toàn đúng nhưng ông L không đồng ý ly hôn bà Vân với lý do vợ chồng còn nợ chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện BĐ 50 triệu đồng ông L yêu cầu bà V về cùng ông tự thỏa thuận bán tài sản chung của vợ chồng là thửa đất có diện tích khoảng 4800m^2 tại thôn 2, Th H để thanh toán nợ nần xong rồi mới giải quyết ly hôn.

Ông L không yêu cầu tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:
Bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện
Ông L không đồng ý ly hôn bà V
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thanh V thuộc trường hợp "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện BĐ được quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh V và ông Trần Văn L tự nguyện sống chung với nhau hoàn toàn tự nguyện vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước ngày 25/9/2002. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa bà V vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết yêu cầu được ly hôn ông L với lý do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa do mâu thuẫn vợ chồng đã quá

căng thẳng. Thời gian vợ chồng sống ly thân ông L cũng không sửa đổi, hai người còn không quan tâm chăm sóc hỏi thăm lẫn nhau.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 24/4/2018 tại địa phương nơi bà Vân và ông Long sinh sống được biết ông L, bà V không còn sống chung với nhau đã 10 năm. Bà V bỏ đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Vì vậy địa phương nơi bà V, ông L cũng không biết việc vợ chồng ông, bà có mâu thuẫn gì.

Ông L thừa nhận là bà V đi làm ăn xa ở Thành phố HCM khoảng 08 năm nay thỉnh thoảng có về qua nhà rồi lại đi chứ không chung sống với ông nữa và vợ chồng đã ly thân đến nay. Tại phiên tòa ông L khẳng định không còn tình cảm với bà V nữa, ông L cương quyết không đồng ý ly hôn bà V ông mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với lý do bà V phải cùng ông về bán tài sản để thanh toán nợ nần. Xét yêu cầu này của ông L là không có căn cứ. Vì vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu của ông L được bởi lẽ tình cảm vợ chồng bà V, ông L đã nhiều năm nay không hàn gắn được thể hiện vợ chồng mỗi người đã có một cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Điều này chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà V, ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vân đối với ông L là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

Về con chung: Các con chung của bà V, ông L đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xét.

Tài sản chung; nợ chung: Bà V, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh V đối với bị đơn ông Trần Văn L. Bà Trần Thị Thanh V được ly hôn ông Trần Văn L.

[2]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ theo biên lai thu tiền số 0016857 ngày 28/3/2018.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện BĐ;*
- *THADS huyện BĐ;*
- *UBND xã Th H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức